

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HS-ST

Ngày 15- 4- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà : Bà Nguyễn Thị Hằng

Các hội thẩm nhân dân : Ông Trịnh Văn Thọ

Ông Lê Đức Trí

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà :

Bà Trần Thị Tinh - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở TAND huyện T , tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST - HS ngày 01/4/2021 đối với các bị cáo:

1. Lê Sỹ C , sinh ngày 11 tháng 7 năm 1970 tại xã Xã T , huyện T, tỉnh T ; Nơi cư trú: Thôn 6 xã T , huyện T , tỉnh T ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Sỹ C (Đã chết)và bà Hoàng Thị L , sinh năm 1947; Gia đình có 05 chị em, bị cáo là con thứ 2; Vợ Lê Thị C , sinh năm 1971; Có 03 con, con lớn đã chết, con nhỏ sinh năm 2005; Tiền án; Tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú .

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Lê Thị C , sinh ngày 10/10/1971 tại xã X , huyện T , tỉnh T ; Nơi cư trú: Thôn 6 xã T , huyện T , tỉnh T ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con

ông Lê Sỹ N , sinh năm 1920 và bà Lê Thị P , sinh năm 1924; Gia đình có 07 chị em, bị cáo là con thứ 7; Chồng: Lê Sỹ C , sinh năm 1970; Có 03 con, con lớn đã chết, con nhỏ sinh năm 2005; Tiền án; Tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng Biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Chị Lê Thị T , sinh năm 1988. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 1 xã T , huyện T , tỉnh T

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Cháu Lê Duy T , sinh ngày 14/8/2005. Có mặt

Người đại diện theo pháp luật của Lê Duy T :

Chị Lê Thị N , sinh năm 1982. Vắng mặt

Đều trú tại: Thôn 1, xã T , huyện T tỉnh T .

2. Cháu Lê Minh H , sinh ngày 16/4/2005. Vắng mặt

Người đại diện theo pháp luật của Lê Minh Hi :

Anh Lê Minh C , sinh năm 1979. Có mặt

Đều trú tại: Thôn 5, xã T , huyện T , tỉnh T .

3. Bà Lê Thị L - sinh năm 1964. Có mặt

Trú tại: Thôn 1, xã T , huyện T , tỉnh T .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13h 00 ngày 02/01/2021 Lê Duy T (sinh ngày 14/8/2005) trèo tường vào nhà chị T ở cùng thôn 1 xã T , huyện T mục đích để trộm cắp tài sản. Khi vào nhà T đi xuống bếp tìm kiếm và trộm cắp 01 xô đựng 06kg gạo loại gạo nhĩ ưu 63. T đem về bán cho bà Lê Thị L cùng thôn 1 xã T với giá tiền 50.000đ. Đến khoảng 18h cùng ngày Lê Minh H (sinh ngày 16/4/2005) điều khiển xe đạp màu đỏ xám nhãn hiệu Martin 107 đã cũ đến nhà T chơi. Biết gia đình chị T có 01 chiếc ti vi nên khoảng 20h Tiến rủ H đột nhập vào nhà chị T để trộm cắp. Khi đi T đem theo 01 cái kéo cắt tỉa cây, H đem theo 01 chiếc đèn pin. T và H trèo tường đi từ sau vườn và nhà, T dùng kéo cắt sợi dây điện thoại buộc cửa rồi cùng H vào nhà khiêng chiếc ti vi nhãn hiệu Sam sung 50inch, điều khiển ti vi T bỏ vào túi quần rồi đi theo đường cũ đem về nhà T , kéo và chiếc xô đựng gạo T vứt bỏ ở kênh mương nước gần nhà T .

Khoảng 20h30 phút ngày 02/01/2021, H điều khiển xe đạp chở T ngồi sau ôm chiếc ti vi trộm cắp đến nhà vợ chồng anh Lê Sỹ C, chị Lê Thị Ch để bán lấy tiền. Khi đến nơi T gọi mở cửa thì C ra mở cửa, T nói: “Bác ơi có mua ti vi không?” C trả lời: “Có”. T khiêng ti vi đặt vào trong hè nhà. Lê Thị Ch đang ngồi trong nhà đi ra hè và cùng C hỏi: “Ti vi bay lấy ở mô?”. T trả lời: “Cháu lấy trộm ở trại giống”. C khiêng ti vi lên kệ tủ trong nhà và lấy điều khiển ti vi của T để kiểm tra, thấy ti vi hoạt động bình thường C hỏi T: “Bán ti vi bao nhiêu tiền?”. T trả lời bán giá 4.000.000đ. C chê đắt và nói chỉ mua giá 2.000.000đ. T và H đồng ý bán. Sau đó C đưa ví tiền cho Ch rồi đi vào nhà xem ti vi. Ch rút 2.000.000đ đưa cho T, Ch còn dặn T và H không được nói bán ti vi cho vợ chồng Ch, phải nói bán ti vi cho một người qua đường không nhớ biển số xe. Sau đó T và H cầm tiền đến quán internet chơi game. Đến trưa ngày 05/01/2021 do hết tiền nên T và H rủ nhau đem chiếc xe đạp của H đến nhà bà L bán được 50.000đ, số tiền trên T và H sử dụng hết vào việc chơi game và ăn uống.

T và H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản khi chưa đủ 16 tuổi nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

C và Ch khai nhận: Cả hai đều biết chiếc ti vi mà T và H bán là do T và H trộm cắp mà có. Mặc dù không hứa hẹn trước nhưng do ham rẻ nên C và Ch vẫn mua ti vi với giá 2.000.000đ để sử dụng. C đã giao nộp chiếc ti vi và điều khiển ti vi cho cơ quan điều tra.

Tại cơ quan điều tra bà L khai nhận: Bà có mua của T 06kg gạo với số tiền 50.000đ và mua của H 01 chiếc xe đạp với giá 50.000đ nhưng bà không biết đó là tài sản trộm cắp mà có. Bà L đã giao nộp 06 kg gạo và chiếc xe đạp cho cơ quan điều tra.

Ngày 07/01/2021 cơ quan điều tra Công an huyện T đã yêu cầu định giá đối với tài sản trộm cắp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01/KL - HĐĐG ngày 14/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị của 01 chiếc ti vi tại thời điểm trộm cắp trị giá là 6.153.000đ 06kg gạo trị giá 69.000đ.

Cơ quan điều tra đã trả lại 01 xe đạp nữ nhãn hiệu martin 107 màu đỏ xám cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Lê Minh Ch (Bố H); 01 chiếc ti vi nhãn hiệu Sam sung 50inch đã qua sử dụng và 06 kg gạo nhĩ ưu đã trả lại cho chị Lê Thị T.

Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị L không yêu cầu T và H phải trả lại số tiền đã mua gạo và xe đạp.

Đối với vật chứng là 01 chiếc kéo, 01 thùng đựng gạo và 01 chiếc đèn pin cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không có kết quả.

Tại bản cáo trạng số 18/CT - VKSTX ngày 16/3/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị Lê Sỹ C và Lê Thị Ch về tội: “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 điều 323 BLHS.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Sỹ C và Lê Thị Ch phạm tội: “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 323; Điểm i, s khoản 1 điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với các bị cáo Lê Sỹ C và Lê Thị Ch ; Đề nghị xử phạt Bị cáo Lê Sỹ C từ 09(Chín) tháng đến 12(Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ; Lê Thị Ch từ 06(Sáu) tháng đến 09(Chín)tháng cải tạo không giam giữ; Không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các Bị cáo; Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật; Đề nghị truy thu số tiền 2.050.000đ do phạm tội mà có đối với Lê Duy T và Lê Minh H .

Các Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Các bị cáo xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, người bị hại trong quá trình điều tra; Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản thu giữ tang vật, lời khai của những người làm chứng đều phản ánh thống nhất khách quan: Vào ngày 02/01/2021 các bị cáo Lê Sỹ C và Lê Thị Ch tuy không hứa hẹn trước nhưng biết

rõ đó là tài sản trộm cắp và đã tiêu thụ 01 chiếc ti vi trị giá là 6.153.000đ. Do đó hành vi của các bị cáo Lê Sỹ C và Lê Thị Ch đủ yếu tố cấu thành tội: “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Vì vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo Lê Sỹ C và Lê Thị Ch phạm tội: “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số 18/CT - VKS ngày 16/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật nhà nước bảo vệ. Hành vi đó đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải xử phạt thật nghiêm minh mới có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Về vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo: Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo không phải là trường hợp có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này bị cáo C giữ vai trò chính trong việc giao dịch tiêu thụ tài sản trộm cắp nên bị cáo C phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo Ch.

[5].Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt của các bị cáo: Khi xem xét về nhân thân của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì HĐXX thấy rằng: Các bị cáo đều có nhân thân tốt. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều khai báo thành khẩn và các bị cáo đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 BLHS. Vì vậy HĐXX xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, HĐXX áp dụng điều 36 bộ luật hình sự cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội và để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

Các bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập bình quân bằng mức lương tối thiểu nên không khấu trừ thu nhập đối với các Bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Lê Thị T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị L không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 50.000đ bán chiếc xe đạp bố của H là anh Lê Minh C đã trả lại cho bà Lê Thị L. Đối với số tiền 2.000.000đ T và H đã bán chiếc ti vi và chỉ tiêu cá nhân; Đối với số tiền 50.000đ bán gạo T chỉ tiêu riêng nên HĐXX căn cứ khoản b điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự truy thu nộp ngân sách nhà nước. Chia phần T 1.050.000đ; H 1.000.000đ. T và H đều chưa thành niên nên người đại diện theo pháp luật của T là chị Lê Thị N (Mẹ đẻ) phải nộp thay cho T và anh Lê Minh C bố đẻ của H phải nộp thay cho H.

[8] Về án phí: Các Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Trong vụ án này Lê Duy T và Lê Minh H là người đã trộm cắp tài sản bán cho 2 bị cáo tuy nhiên T và H chưa đủ tuổi nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 323 ; Điểm i, s khoản 1 điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật hình sự;

- Tuyên bố: Các bị cáo Lê Sỹ C và Lê Thị Ch phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Sỹ C 09(Chín) tháng cải tạo không giam giữ;

Bị cáo Lê Thị Ch 06(Sáu)tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành án tính từ ngày UBND xã T, huyện T, tỉnh T nhận được Quyết định Thi hành án và bản sao bản án của Tòa án nhân dân huyện T. Giao các bị cáo Lê Sỹ C và Lê Thị Ch cho UBND xã T, huyện T, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với các Bị cáo. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định của Luật thi hành án hình sự.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 điều 106 Bộ luật TTHS;

Truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.050.000đ đối với Lê Duy T ; Số tiền 1.000.000đ đối với Lê Minh H. Chị Lê Thị N phải nộp thay cho T và anh Lê Minh C phải nộp thay cho H.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 điều 23 Nghị Quyết quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc các bị cáo Lê Sỹ C và Lê Thị Ch mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST nộp ngân sách nhà nước.

Bị cáo, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Người đại diện theo pháp luật của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Người bị hại; Người đại diện theo pháp luật của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND;
- THA dân sự;
- THA hình sự Công an huyện T
- Trại tạm giam Công an tỉnh T ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng